

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**BÙI THỊ BÉ**

**PHÁP LUẬT THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã ngành: 8.38.01.07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**QUẢNG TRỊ, năm 2020**

Công trình được hoàn thành tại:  
**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Vũ Thị Duyên Thủy**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học  
Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu .....	2
5. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
6. Kết cấu của luận văn .....	3
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁP LUẬT THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b> .....	4
1.1. Một số vấn đề lý luận về thuế BVMT.....	4
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm thuế BVMT.....	4
1.1.2. Mục đích, vai trò của thuế BVMT .....	4
1.2. Những vấn đề chung về pháp luật thuế BVMT .....	5
1.2.1. Khái niệm và các bộ phận cấu thành pháp luật thuế BVMT .....	5
1.2.2. Sự cần thiết cho việc hình thành và áp dụng có hiệu quả thuế BVMT .....	6
1.3. Pháp luật thuế BVMT của một số quốc gia và một số kinh nghiệm cho việc xây dựng pháp luật thuế BVMT ở Việt Nam.....	6
1.3.1. Pháp luật thuế BVMT của một số quốc gia trên thế giới.....	6
1.3.2. Một số kinh nghiệm cho việc xây dựng pháp luật thuế BVMT ở Việt Nam .	8
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1</b> .....	8
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM</b> .....	9
2.1. Nội dung các quy định pháp luật về thuế BVMT .....	9
2.1.1. Các quy định về đối tượng chịu thuế và không chịu thuế.....	9
2.1.1.1. Đối tượng chịu thuế.....	9
2.1.1.2. Đối tượng không chịu thuế.....	9
2.1.2. Các quy định về căn cứ tính thuế .....	10
2.1.3. Các quy định về hoàn thuế, miễn giảm thuế BVMT .....	11
2.1.4. Các quy định về quản lý thuế BVMT .....	12
2.2. Một số bất cập của pháp luật thuế BVMT .....	13
2.2.1. Về tên gọi của Luật thuế .....	13
2.2.2. Về đối tượng tính thuế.....	13
2.2.3. Về căn cứ tính thuế.....	13
2.2.4. Về chế độ miễn giảm thuế.....	13
2.3. Đánh giá thực tiễn thực hiện Luật thuế BVMT .....	14
2.3.1. Một số kết quả đạt được .....	14
2.3.1.1. Góp phần tăng thu ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có nhiệm vụ chi cho BVMT .....	14
2.3.1.2. Thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam với cộng đồng quốc tế.....	15
2.3.1.3. Nâng cao ý thức BVMT của toàn xã hội, góp phần thay đổi nhận thức, hành vi của các tổ chức, cá nhân trong sản xuất, tiêu dùng sản phẩm gây ô nhiễm môi trường.....	15

2.3.2. Một số hạn chế và nguyên nhân .....	15
2.3.2.1. Một số hạn chế .....	15
2.3.2.2. Nguyên nhân.....	16
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>	<b>17</b>
<b>CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP</b>	
<b>LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT THUẾ</b>	
<b>BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM.....</b>	<b>18</b>
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật thuế BVMT .....	18
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật thuế BVMT .....	18
3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật thuế BVMT .....	19
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....</b>	<b>19</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>20</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế là công cụ chủ yếu của Nhà nước nhằm tập trung tích lũy vào ngân sách Nhà nước, là công cụ quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế, tạo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế đất nước. Ngoài những vai trò, mục đích, ý nghĩa chung nói trên của một loại thuế thì thuế môi trường có những vai trò, mục đích, ý nghĩa riêng, đó chính là vấn đề môi trường. Có thể nói mục đích chính của thuế môi trường không phải là tài chính mà là sự cải thiện môi trường.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là BVMT), việc sử dụng công cụ kinh tế nói chung, trong đó có việc áp dụng hình thức thuế môi trường có nhiều ý nghĩa quan trọng và phát huy tác dụng, hiệu quả. Trên cơ sở tầm quan trọng của thuế môi trường đối với lĩnh vực BVMT, bài viết tập trung vào một số vấn đề lý luận về thuế môi trường và bình luận một số quy định của Luật thuế BVMT Việt Nam năm 2010.

Một trong các công cụ kinh tế trong lĩnh vực BVMT không thể không nhắc tới đó là thuế môi trường. So với một số quốc gia trên thế giới thì ở Việt Nam, thuế môi trường là công cụ kinh tế còn khá mới mẻ. Luật Thuế BVMT được ban hành từ năm 2010, vừa đáp ứng nhu cầu phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới, vừa tạo ra khuôn khổ pháp lý đồng bộ, ổn định; điều chỉnh toàn diện các hành vi tác động tiêu cực đến môi trường, khắc phục hạn chế trong các chính sách thu trước đây, tạo nguồn lực tài chính bù đắp chi phí BVMT và bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển bền vững. Đây là "loại thuế gián thu, thu vào sản phẩm, hàng hoá khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường". Cơ sở pháp lý quan trọng nhất cho việc áp dụng thuế BVMT ở nước ta, đó là Luật Thuế BVMT được Quốc hội thông qua ngày 15/11/2010. Cùng với Luật Thuế BVMT là các văn bản hướng dẫn thi hành gồm Nghị định và Thông tư của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan. Nhà nước sử dụng công cụ thuế và phí, trực tiếp tác động vào mặt kinh tế, nhằm mang lại hiệu quả cao trong quản lý và BVMT. Tuy nhiên, hiệu quả BVMT khi sử dụng loại thuế này chưa đạt kết quả cao vì nhiều lý do khác nhau liên quan đến cả hệ thống pháp luật thực định và thực tiễn thi hành. Trong bối cảnh đó, tôi chọn "*Pháp luật thuế BVMT ở Việt Nam*" làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sĩ.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Nghiên cứu chung về công cụ thuế thì hiện có khá nhiều công trình đã được công bố. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chuyên sâu về thuế BVMT ở nước ta trong thời gian qua lại không nhiều. Hiện có một số công trình nghiên cứu như: cuốn sách Thuế môi trường của tác giả Bùi Đường Nghiêu, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật năm 2006; Bài báo đăng trên tạp chí Luật học số 4/2009 của tác giả Trần Vũ Hải với tiêu đề: “Một số vấn đề về việc ban hành Luật thuế môi trường ở Việt Nam”; Bài “Luật thuế môi trường – giải pháp quản lý và BVMT” của tác giả Nguyễn Quang Tuấn, Lê Thị Thảo trên Tạp chí nghiên cứu lập pháp số 13/2008. Ngoài ra, còn một số đề tài nghiên cứu của sinh viên, khóa luận tốt nghiệp viết về lĩnh vực này như: tác giả Nguyễn Thị Hoa với đề tài “Bước đầu tìm hiểu về thuế BVMT ở Việt Nam; tác giả Bùi Thị Duyên với đề tài: “Đánh giá luật thuế BVMT dưới lăng kính kinh tế học pháp luật” ... Nhìn chung các công trình này chỉ đề cập đến một góc độ nhất định của thuế BVMT mà chưa nghiên cứu một cách toàn diện, thống nhất về công cụ này trong BVMT. Vì vậy, luận văn này là công trình đầu tiên nghiên cứu đề tài Pháp luật thuế BVMT tại Việt Nam dưới góc độ luận văn thạc sĩ Luật học.

## **3. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu**

### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Luận văn nghiên cứu các quan điểm, luận điểm, các văn bản pháp luật về thuế BVMT và các báo cáo, số liệu về tình hình thực thi pháp luật về thuế BVMT tại Việt Nam

### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

Pháp luật thuế BVMT là vấn đề phức tạp. Trong phạm vi luận văn, học viên tập trung vào tìm hiểu những vấn đề mang tính lý thuyết về thuế BVMT cũng như pháp luật thuế BVMT trên cơ sở Luật thuế BVMT và các văn bản hướng dẫn thi hành, đánh giá chung về thực trạng pháp luật thuế BVMT, nhìn nhận những khó khăn trong thực trạng áp dụng thuế BVMT trong thực tế, đưa ra nhận xét đánh giá và có cơ sở để kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật thuế BVMT với mục đích nâng cao hiệu quả BVMT trong giai đoạn hiện nay.

## **4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### ***4.1. Phương pháp luận nghiên cứu:***

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền để nghiên cứu.

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu:**

Các phương pháp nghiên cứu: phân tích, thống kê, tổng hợp, quy nạp. Trong đó, phân tích, thống kê, so sánh và chứng minh được xác định là những phương pháp nghiên cứu chủ yếu của luận văn. Cụ thể như sau:

- Phương pháp phân tích được sử dụng ở tất cả các chương, mục của luận văn để thực hiện mục đích và nhiệm vụ của đề tài.
- Phương pháp thống kê được sử dụng để tập hợp, xử lý các tài liệu, số liệu... phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài.
- Phương pháp chứng minh được sử dụng để chứng minh các luận điểm, các nhận định về thực trạng pháp luật, thi hành pháp luật và tác động của nó.
- Phương pháp tổng hợp, qui nạp được sử dụng chủ yếu trong việc đưa ra những kết luận của từng chương và kết luận chung của luận văn.

#### **5. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.**

##### **5.1. Mục đích nghiên cứu:**

Trên cơ sở nghiên cứu các quy định pháp luật, tìm hiểu và đánh giá đúng đắn thực trạng pháp luật thuế BVMT.

Thông qua đánh giá hiện trạng thực thi pháp luật thuế BVMT, đề tài sẽ phát hiện ra được những tồn tại, bất cập, thiếu sót của trong việc ban hành chính sách, quy định về thuế BVMT. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đề ra các giải pháp triển khai có hiệu quả hơn công tác BVMT; giúp cơ quan quản lý nhà nước có chiến lược, điều chỉnh chính sách, biện pháp thực thi pháp luật thuế BVMT phù hợp, đảm bảo cho việc định hướng phát triển bền vững trong thời gian tới.

##### **5.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:**

Nghiên cứu những vấn đề mang tính lý luận về thuế BVMT và pháp luật thuế BVMT.

Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về thuế BVMT tại Việt Nam.

Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật thuế BVMT tại Việt Nam trong thời gian tới.

#### **6. Kết cấu của luận văn**

Luận văn ngoài phần mở đầu và kết luận, bao gồm ba chương:

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁP LUẬT THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

# Chương 1

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁP LUẬT THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

### 1.1. Một số vấn đề lý luận về thuế BVMT

#### 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm thuế BVMT

❖ Khái niệm:

Khoản 1 Điều 2 Luật Thuế Bảo vệ môi trường 2010 có quy định “1. Thuế bảo vệ môi trường là loại thuế gián thu, thu vào sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi chung là hàng hóa) khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường.”

Từ có thể hiểu rằng “thuế BVMT là loại thuế đánh vào các chủ thể có hành vi tác động tiêu cực đến môi trường thông qua các sản phẩm được tạo ra bởi các hành vi đó nhằm đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và bảo đảm phát triển môi trường bền vững”.

❖ Đặc điểm của Thuế BVMT:

Một là, đối tượng chịu thuế của thuế BVMT luôn gắn với nguy cơ gây ô nhiễm môi trường khi sử dụng.

Hai là, mục tiêu của thuế bảo vệ môi trường ngoài việc tạo nguồn thu hợp lý vào ngân sách nhà nước, còn có mục tiêu hạn chế sản xuất, nhập khẩu, tiêu dùng hàng hóa có nguy cơ gây tổn hại môi trường.

Ba là, tính đặc thù trong tính thuế của thuế BVMT: thuế bảo vệ môi trường được xác định trên cơ sở khung thuế tuyệt đối.

Bốn là, thuế môi trường là một trong các công cụ kinh tế quan trọng để quản lý và BVMT của nhà nước.

Năm là, thuế môi trường góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước, làm giảm hiệu ứng tiêu cực của hệ thống thuế thu nhập hiện hành

#### 1.1.2. Mục đích, vai trò của thuế BVMT

\* Mục đích của thuế môi trường

Thứ nhất, làm cho con người hạn chế sử dụng các sản phẩm tác động xấu đến môi trường; dần dần chuyển sang sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng sản phẩm an toàn, thân thiện với môi trường, ít tác động xấu đến môi trường hơn, định hướng nền kinh tế phát triển thân thiện với môi trường.

Thứ hai, làm con người thay đổi thái độ đối với môi trường sống, chú trọng khai thác tài nguyên một cách tiết kiệm, hiệu quả và thân thiện với môi trường; tự giác thực hiện các hoạt động BVMT.



*Thứ ba*, làm cho các nhà sản xuất thường xuyên cải tiến đổi mới công nghệ để giảm thiểu ô nhiễm.

*Thứ tư*, thuế môi trường có mục đích giúp đạt hiệu quả BVMT nhanh hơn so với công cụ pháp lý.

*Thứ năm*, tạo nguồn lực tài chính cần thiết, tăng thu cho ngân sách nhà nước để quản lý và BVMT.

**\* Vai trò của thuế môi trường**

*Thứ nhất*, thuế BVMT tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách mỗi quốc gia.

*Thứ hai*, thông qua thuế BVMT, các quốc gia ban hành loại thuế này đều hướng tới mục đích định hướng tiêu dùng, ý thức của người dân khi sử dụng các mặt hàng có nguy cơ gây tổn hại môi trường khác nhau.

*Thứ ba*, thuế BVMT "gánh" trách nhiệm cho các loại thuế khác nhằm mục tiêu BVMT. Trước khi ban hành thuế BVMT, các quốc gia có thể sử dụng các loại thuế gián thu khác cho mục đích này.

*Thứ tư*, thuế môi trường góp phần làm thay đổi hành vi của các chủ thể kinh doanh và tiêu dùng theo hướng có lợi cho môi trường hay nói cách khác, thuế môi trường có vai trò và ý nghĩa trong việc định hướng sản xuất và tiêu dùng – sản xuất, nhập khẩu hàng hóa “sạch”.

*Thứ năm*, thuế môi trường góp phần khuyến khích sự năng động, sáng tạo trong nghiên cứu và ứng dụng những quy định công nghệ phù hợp để giảm thiểu chất thải, qua đó tiết kiệm nguyên liệu, tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

*Thứ sáu*, thuế môi trường còn tạo ra sự chủ động cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong quá trình hoạt động cũng như chủ động ứng phó với các sự cố môi trường có thể xảy ra.

*Sử dụng công cụ kinh tế nói chung trong đó có thuế môi trường có vai trò trong việc có thể làm giảm bớt gánh nặng quản lý cho hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về BVMT.*

**1.2. Những vấn đề chung về pháp luật thuế BVMT**

**1.2.1. Khái niệm và các bộ phận cấu thành pháp luật thuế BVMT**

Pháp luật thuế BVMT là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ thu nộp thuế BVMT phát sinh giữa cơ quan thu thuế và người nộp thuế do có hành vi sản xuất hoặc nhập khẩu các sản phẩm mà quá trình sử dụng sản phẩm đó có tác động xấu đến môi trường.

Ở Việt Nam, Quốc hội ban hành Luật Thuế BVMT 2010 và nhiều văn bản hướng dẫn thi hành đã được ban hành, cụ thể là:

- Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 ngày 14.7.2012 về Biểu thuế BVMT; Nghị quyết 888A/2015/UBTVQH13 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 1269/2011/UBTVQH12 về biểu thuế BVMT.

- Nghị định 67/2011/NĐ-CP ngày 8.8.2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế BVMT.

- Nghị định 69/2012/NĐ-CP 14.9.2012 sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Nghị định 67/2011/NĐ-CP ngày 8.8.2011.

- Thông tư 152/2011/TT-BTC ngày 11.11.2011 hướng dẫn thi hành Nghị định 67/2011/NĐ-CP ngày 8.8.2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế BVMT Thông tư 60/2015/TT-BTC ngày 27.4.2015 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư 152/2011/TT-BTC ngày 11.11.2011

❖ Các bộ phận cấu thành, pháp luật thuế BVMT:

- Bộ phận quy định trực tiếp xác định chủ thể, hàng hóa, căn cứ tính thuế BVMT.

- Bộ phận quy định quá trình quản lý và thu, nộp thuế BVMT.

### ***1.2.2. Sự cần thiết cho việc hình thành và áp dụng có hiệu quả thuế BVMT***

Xuất phát từ thực tiễn ô nhiễm môi trường đang báo động và vấn đề toàn cầu.

Yêu cầu cần có biện pháp can thiệp tài chính để BVMT và sự chia sẻ gánh nặng mục tiêu của các loại thuế khác.

Pháp luật thuế BVMT thể hiện cam kết của Việt Nam với cộng đồng thế giới về BVMT. Việt Nam cùng với các quốc gia trên thế giới hướng tới môi trường toàn cầu.

### **1.3. Pháp luật thuế BVMT của một số quốc gia và một số kinh nghiệm cho việc xây dựng pháp luật thuế BVMT ở Việt Nam**

#### ***1.3.1. Pháp luật thuế BVMT của một số quốc gia trên thế giới***

##### ***Pháp luật thuế BVMT của Cộng hòa liên bang Đức***

Trước giai đoạn 1999, việc đánh thuế để BVMT đã được đặt ra, tuy nhiên chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Việc ban hành hai đạo luật “Đạo luật giới thiệu về cải cách thuế môi trường”<sup>1</sup> ban hành 1.4.1999 và “Đạo luật về sự tiếp nối cải cách thuế môi trường”<sup>2</sup> được ban hành vào 16.12.1999, hiệu quả của thuế môi trường mới thực sự phát huy tác dụng. Nội dung cơ bản của hai văn bản này hướng tới là tăng thuế đối với năng lượng là nhiên liệu động cơ và

<sup>1</sup> Law on the introduction of the Ecological Tax Reform, Bundestages-ezblast I, p.378, 1999, Germany

<sup>2</sup> Law on the introduction of the Ecological Tax Reform, vom 16.12.1999 Bundestagesetzblatt, Germany

nhiên liệu chất đốt. Điểm lưu ý của Luật về cải cách thuế môi trường là biểu thuế đánh vào nhiên liệu được xác định là thuế tuyệt đối với các mức khác nhau cho các loại nhiên liệu khác nhau “Đạo luật tiếp nối cải cách thuế môi trường” giai đoạn 2000-2003 tiếp tục tăng thuế đối với dầu và điện. Từ 2003 đến nay, việc sửa đổi điều luật cụ thể trên cơ sở tăng thuế đối với năng lượng vẫn tiếp tục được thực hiện.

#### *Pháp luật thuế bảo vệ môi trường của Liên minh Châu Âu*

Ngày 27.10.2003, kế thừa những thành tựu trong cải cách thuế môi trường của Liên bang Đức, “Chỉ thị thực hiện hài hòa thuế môi trường trong cộng đồng châu Âu” được Bộ Môi trường Liên minh Châu Âu ban hành, áp dụng rộng khắp cộng đồng châu Âu. Chỉ thị này là căn cứ pháp lý cho việc áp dụng nhiều nội dung quan trọng về thuế đối với năng lượng là dầu lửa và dầu diesel, theo đó một thỏa thuận không đánh thuế đối với dầu lửa nhưng đánh thuế cao đối với dầu diesel đã được thực hiện rộng khắp.

#### *Pháp luật thuế BVMT của New Zealand*

New Zealand không ban hành luật thuế với tên gọi là BVMT mà ban hành Luật quản lý tài nguyên vào 1991(RMA)<sup>3</sup>. Luật quản lý tài nguyên ban hành quy định thống nhất chính sách, cách thu thuế và mức thuế để bảo vệ và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên. RMA quy định người khai thác tài nguyên gây tổn hại môi trường phải nộp thuế môi trường. Đến 2007, Luật quản lý tài nguyên năm 1991 được sửa đổi bởi Luật quản lý tài nguyên 2007 (RMAA 2007)<sup>4</sup> với nội dung sửa đổi cơ bản là kết hợp thuế năng lượng, thuế xăng dầu, thuế carbon và giảm khí thải nhà kính từ khu vực chất thải và tiết kiệm điện tại các khu vực công. Khác với Liên bang Đức, New Zealand áp dụng mức thuế suất theo tỷ lệ phần trăm (%) chứ không áp dụng thuế suất tuyệt đối như Liên bang Đức (1,31% đối với năng lượng và 1,23% đối với carbon).

#### *Pháp luật thuế BVMT của Trung Quốc*

Là quốc gia đông dân cư và nguồn tài nguyên phong phú, tuy nhiên, mới đây nhất, ngày 25.12.2016, Quốc hội Trung Quốc đã ban hành Luật thuế BVMT với 05 chương, 28 điều và có hiệu lực từ 1.1.2018. Luật quy định nguyên tắc chung, căn cứ tính thuế và mức thuế, giảm miễn thuế, quản lý trung thu, nguyên tắc kèm theo, đã quy định rõ về các nghĩa vụ đóng thuế BVMT theo quy định đối với những doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các nhà sản xuất kinh doanh khác trực tiếp phát thải gây ô nhiễm môi trường, tàng trữ hoặc xử lý chất thải

<sup>3</sup> Resource Management Act 1991 No.69 22.7.1991, New Zealand

<sup>4</sup> Resource Management Amendment Act 2007 No.77 19.9.2007, New Zealand

rắn không theo tiêu chuẩn BVMT, nơi tập trung xử lý nước thải, tập trung xử lý rác thải sinh hoạt thành thị và nông thôn được thiết lập theo luật pháp đã phát thải gây ô nhiễm môi trường vượt tiêu chuẩn tại lãnh thổ Trung Quốc và các vùng biển khác do Trung Quốc quản lý.

### ***1.3.2. Một số kinh nghiệm cho việc xây dựng pháp luật thuế BVMT ở Việt Nam***

Một là: Về đối tượng chịu thuế BVMT, pháp luật nhiều quốc gia trên thế giới (kể cả các nước phát triển) cũng chỉ quy định một số sản phẩm, hàng hóa khi sử dụng hoặc nhập khẩu mới nằm trong diện chịu loại thuế này vì chúng gây ra ô nhiễm lớn. Các mặt hàng nằm trong diện chịu thuế BVMT của Việt Nam cũng được các quốc gia lựa chọn để đánh thuế.

Hai là, việc sử dụng công cụ thuế trong BVMT cần được thực hiện từng bước và thận trọng.

Ba là, phải ban hành các quy định về phân phối và trợ cấp cho một số ngành, một số đối tượng nhất định để tránh việc thu thuế BVMT và gây ra tác động tiêu cực đến nhóm dân cư có thu nhập thấp.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Thuế BVMT là loại thuế gián thu vào các sản phẩm hàng hóa mà khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường. Luật thuế BVMT có mục tiêu nhằm nâng cao ý thức BVMT của toàn xã hội, góp phần thay đổi hành vi của các tổ chức, cá nhân đối với môi trường khi đầu tư, sản xuất và tiêu dùng trong xã hội, khuyến khích việc sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường. Pháp luật thuế BVMT bao gồm có bộ phận pháp luật quy định nội dung thuế BVMT và bộ phận pháp luật quy định trình tự thủ tục thu nộp và quản lý thuế BVMT. Để đánh giá thực trạng pháp luật thuế BVMT và đưa ra ý kiến pháp lý, cần phải xác định yêu cầu cũng như các nguyên tắc ban hành cũng như thực thi luật thuế này và xem xét đến kinh nghiệm pháp luật của một số nước trên thế giới.

## **Chương 2**

# **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM**

### **2.1. Nội dung các quy định pháp luật về thuế BVMT**

#### **2.1.1. Các quy định về đối tượng chịu thuế và không chịu thuế**

##### **2.1.1.1. Đối tượng chịu thuế**

Luật thuế BVMT 2010 quy định 08 sản phẩm thuộc đối tượng chịu thuế tại 8 khoản của Điều 3 Luật thuế BVMT và có quy định mở tại khoản 9 của điều này nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý để có thể quy định đối tượng chịu thuế phù hợp trong từng điều kiện cụ thể. Chi tiết về đối tượng chịu thuế như sau:

- *Xăng dầu (Xăng các loại (trừ ethanol), nhiên liệu bay, dầu diesel, dầu hoả, dầu mazut, dầu nhớt, mỡ nhờn*
- *Than đá (than nâu, than antraxit, than mỡ, than đá khác)*
- *Dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon (Dung dịch HCFC)*
- *Túi nilon thuộc diện chịu thuế*
- *Thuốc bảo vệ thực vật thuộc nhóm hạn chế sử dụng gồm: Thuốc diệt cỏ, thuốc trừ mối, thuốc bảo quản lâm sản, thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng.*

##### **2.1.1.2. Đối tượng không chịu thuế**

Điều 4 Luật thuế BVMT 2010 quy định đối tượng không chịu thuế. Theo đó hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế môi trường nhưng không sử dụng ở Việt Nam (không tiêu thụ trên lãnh thổ Việt Nam, theo đó sẽ không gây tổn hại cho môi trường ở Việt Nam) sẽ được đưa vào đối tượng không chịu thuế. Cụ thể:

- Hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc chuyển qua cửa khẩu biên giới Việt Nam. Bao gồm:
  - + Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu qua cửa khẩu Việt Nam (quá cảnh hoặc chuyển khẩu qua cửa khẩu biên giới, gồm cả trường hợp đã đưa vào kho ngoại quan) nhưng không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.
  - + Hàng hóa quá cảnh qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam trên cơ sở Hiệp định ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước ngoài hoặc giữa cơ quan, người đại diện được Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước ngoài ủy quyền theo quy định của pháp luật. Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật;

+ Hàng hóa nhập khẩu, tái xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

+ Hàng hóa do cơ sở sản xuất (bao gồm cả gia công) trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu, trừ trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mua hàng hóa thuộc diện chịu thuế BVMT để xuất khẩu

### **2.1.2. Các quy định về căn cứ tính thuế**

#### **Công thức tính thuế BVMT**

Theo Điều 7 Luật thuế BVMT và Điều 4 Thông tư 152/2011/TT-BTC, thuế BVMT được tính theo công thức sau:

$$\text{Thuế BVMT phải nộp} = \frac{\text{Số lượng đơn vị hàng hóa tính thuế}}{\text{Số lượng đơn vị hàng hóa tính thuế}} \times \text{Mức thuế tuyệt đối trên một đơn vị hàng hóa}$$

Để tính được số tiền thuế phải nộp cần tính được số lượng đơn vị hàng hóa chịu thuế và mức thuế tuyệt đối mà Nhà nước quy định. Cụ thể:

- *Số lượng đơn vị hàng hóa tính thuế được xác định như sau:*

+ Hàng hóa sản xuất trong nước: Số lượng hàng hóa tính thuế là số lượng hàng hóa sản xuất bán ra, trao đổi, tiêu dùng nội bộ, tặng cho, khuyến mại, quảng cáo.

+ Hàng hóa nhập khẩu: Số lượng hàng hóa tính thuế là số lượng hàng hóa nhập khẩu.

+ Hàng hoá là nhiên liệu hỗn hợp chứa xăng, dầu...Số lượng hàng hoá tính thuế trong kỳ là số lượng xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hoá thạch có trong số lượng nhiên liệu hỗn hợp nhập khẩu hoặc sản xuất bán ra, trao đổi, tặng cho, đưa vào tiêu dùng nội bộ được quy đổi ra đơn vị đo lường quy định tính thuế của hàng hoá tương ứng. Cách xác định như sau:

$$\text{Số lượng xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hoá thạch tính thuế} = \frac{\text{Số lượng nhiên liệu hỗn hợp nhập khẩu, sản xuất bán ra, tiêu dùng, trao đổi, tặng cho}}{\text{Số lượng nhiên liệu hỗn hợp nhập khẩu, sản xuất bán ra, tiêu dùng, trao đổi, tặng cho}} \times \text{Tỷ lệ \% xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hoá thạch có trong nhiên liệu hỗn hợp}$$

+ Đối với túi ni lông đa lớp được sản xuất hoặc gia công từ màng nhựa đơn HDPE, LDPE, LLDPE và các loại màng nhựa khác (PP, PA, ...) hoặc các chất khác như nhôm, giấy... thì thuế BVMT được xác định theo tỷ lệ % trọng lượng màng nhựa đơn HDPE, LDPE, LLDPE có trong túi ni lông đa lớp.

- *Mức thuế tuyệt đối trên một đơn vị hàng hóa*

Theo Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 579/2018/UBTVQH14 mức thuế tuyệt đối trên 1 đơn vị hàng hóa được Nhà nước ấn định với từng loại hàng hóa như sau:

<b>TT</b>	<b>Hàng hóa</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức thuế (đồng/đơn vị hàng hóa)</b>
I	Xăng, dầu, mỡ nhờn		
1	Xăng, trừ etanol	lít	4.000
2	Nhiên liệu bay	lít	3.000
3	Dầu diesel	lít	2.000
4	Dầu hỏa	lít	1.000
5	Dầu mazut	lít	2.000
6	Dầu nhờn	lít	2.000
7	Mỡ nhờn	kg	2.000
II	Than đá		
1	Than nâu	tấn	15.000
2	Than an - tra - xít (antraxit)	tấn	30.000
3	Than mỡ	tấn	15.000
4	Than đá khác	tấn	15.000
III	Dung dịch Hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC), bao gồm cả dung dịch HCFC có trong hỗn hợp chứa dung dịch HCFC	kg	5.000
IV	Túi ni lông thuộc diện chịu thuế	kg	50.000
V	Thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng	kg	500
VI	Thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng	kg	1.000
VII	Thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng	kg	1.000
VIII	Thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng	kg	1.000

### ***2.1.3. Các quy định về hoàn thuế, miễn giảm thuế BVMT***

❖ Hoàn thuế BVMT được quy định tại Điều 11, Luật thuế BVMT và Điều 6 Nghị định 67/2011/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết một số điều Luật thuế BVMT và thông tư 152/2011/BTC hướng dẫn chi tiết một số điều của nghị định 67/2011/NĐ-CP. Cụ thể pháp luật quy định các trường hợp được hoàn thuế BVMT sau:

- Các trường hợp được hoàn thuế BVMT:

+ Hàng hóa nhập khẩu còn lưu kho, lưu bãi tại cửa khẩu và đang chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan được tái xuất khẩu ra nước ngoài.

+ Hàng hóa nhập khẩu để giao, bán cho nước ngoài thông qua đại lý tại Việt Nam; xăng, dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế theo quy định của pháp luật.

+ Hàng hóa nhập khẩu do người nhập khẩu tái xuất khẩu ra nước ngoài.

+ Hàng hóa tạm nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm theo quy định của pháp luật khi tái xuất khẩu ra nước ngoài.

#### ❖ Miễn, giảm thuế BVMT

Pháp luật thuế BVMT hiện nay không có quy định về miễn, giảm đối với thuế BVMT. Điều này xuất phát từ bản chất của thuế BVMT là thuế gián thu, người nộp thuế không phải là người chịu thuế, việc miễn giảm thuế gián thu không tác động trực tiếp đến người chịu thuế.

#### **2.1.4. Các quy định về quản lý thuế BVMT**

Vấn đề khai thuế, tính thuế, nộp thuế được quy định tại Điều 9, Điều 10 Chương III Luật thuế BVMT. Cụ thể:

#### ❖ Thời điểm tính thuế

1. Đối với hàng hóa sản xuất bán ra, trao đổi, tặng cho, thời điểm tính thuế là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa.

2. Đối với hàng hóa sản xuất đưa vào tiêu dùng nội bộ, thời điểm tính thuế là thời điểm đưa hàng hóa vào sử dụng.

3. Đối với hàng hóa nhập khẩu, thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

4. Đối với xăng, dầu sản xuất hoặc nhập khẩu để bán, thời điểm tính thuế là thời điểm đầu mỗi kinh doanh xăng, dầu bán ra.

#### ❖ Khai thuế, tính thuế, nộp thuế

1. Việc khai thuế, tính thuế, nộp thuế BVMT đối với hàng hóa sản xuất bán ra, trao đổi, tiêu dùng nội bộ, tặng cho được thực hiện theo tháng và theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Việc khai thuế, tính thuế, nộp thuế BVMT đối với hàng hóa nhập khẩu được thực hiện cùng thời điểm với khai thuế và nộp thuế nhập khẩu.

3. Thuế BVMT chỉ nộp một lần đối với hàng hóa sản xuất hoặc nhập khẩu.



## **2.2. Một số bất cập của pháp luật thuế BVMT**

### **2.2.1. Về tên gọi của Luật thuế**

Việc đặt tên gọi “thuế BVMT” có thể tạo ra sự thuyết phục đối với dân chúng chịu thuế tuy nhiên thực tế trên cơ cấu cân đối ngân sách không thể sử dụng duy nhất cho việc bảo vệ và tái tạo môi trường có thể tạo ra những phản ứng ngược không đáng có.

### **2.2.2. Về đối tượng tính thuế**

*Một là, quy định phạm vi mặt hàng thuộc đối tượng chịu thuế còn hẹp.*

Quy định đối tượng chịu thuế như pháp luật hiện hành còn khá hẹp, nên mở rộng bằng việc bổ sung thêm nhiều đối tượng chịu thuế là các sản phẩm gây ô nhiễm khác (Máy tính, điện thoại di động, lốp xe, ắc quy, các loại hoá chất tẩy rửa, axit, phân bón, thuốc lá, sản xuất chế biến thực phẩm, sản xuất xi măng...). Bên cạnh việc một số mặt hàng không được đưa vào đối tượng chịu thuế, thuế BVMT còn thu hẹp diện đánh thuế của một số sản phẩm đã có mặt trong sắc thuế. Cụ thể ở đây là thuốc bảo vệ thực vật, hiện nay người dân đang sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ở tình trạng lạm dụng quá mức dẫn đến hậu quả đáng tiếc cho môi trường cũng như sức khỏe con người.

*Thứ hai, quy định về đối tượng chịu thuế BVMT chưa thực ràng, gây khó khăn trong thực tiễn áp dụng.* Cụ thể ở đây là quy định về túi thuộc đối tượng chịu thuế. Luật thuế BVMT khoanh vùng phạm vi này thuộc diện chịu thuế là “túi, bao bì được làm từ màng nhựa polyetylen, tên kỹ thuật là túi nhựa xốp”. Các quy định trên có thể thấy, pháp luật BVMT còn quá chung chung trong việc “chỉ định” túi thuộc diện chịu thuế, quy định trên gần như bao gồm hầu hết ngành nhựa; chưa chỉ ra được các loại túi thân thiện với môi trường có thể được trừ khỏi đối tượng chịu thuế một cách cụ thể. Khái niệm “túi nilon” thân với môi trường cũng chỉ được đưa ra trên câu chữ mà chưa được giải thích nào là thân thiện với môi trường khiến nhiều trường hợp có thể phải chịu “oan”, hoang mang không biết sản phẩm của mình có thuộc diện phải thuế BVMT hay không?

### **2.2.3. Về căn cứ tính thuế**

Biểu khung tính thuế được quy định tại Điều 8 Luật thuế BVMT. Có thể thấy rằng biên độ của biểu khung thuế khá rộng.

### **2.2.4. Về chế độ miễn giảm thuế**

Quy định hiện hành không ghi nhận miễn giảm thuế. Nhìn vào pháp luật một số nước có thể thấy phần lớn chính sách miễn giảm thuế hướng đến các đoàn ngoại giao, các chủ trang trại (trong sản xuất nông nghiệp); các sản phẩm được miễn thuế thường là sản phẩm xuất khẩu hoặc sản phẩm phục vụ mục đích

công cộng. Các trường hợp miễn giảm cụ thể như Đan Mạch miễn thuế năng lượng cho đoàn ngoại giao, thuế nhiên liệu phục vụ mục đích công cộng; Na Uy, Đức miễn, giảm thuế đối với xe quân sự, xe cứu thương; Nhật Bản miễn giảm thuế dầu khí đối với nhiên liệu xuất khẩu; Mỹ miễn giảm thuế nhiên liệu diezen đối với xe bus trường học hoặc sử dụng trong trang trại vì mục đích nông nghiệp. Đây có thể là những tham khảo bổ ích cho khoảng trống còn thiếu trong sắc thuế này.

### **2.3. Đánh giá thực tiễn thực hiện Luật thuế BVMT**

#### **2.3.1. Một số kết quả đạt được**

##### **2.3.1.1. Góp phần tăng thu ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có nhiệm vụ chi cho BVMT**

Số thu từ thuế BVMT liên tục tăng ổn định qua các năm từ năm 2012 đến năm 2016 (tổng số thu thuế BVMT năm 2012 là 11.160 tỷ đồng, năm 2013 là 11.512 tỷ đồng, năm 2014 là 11.970 tỷ đồng, năm 2015 là 27.020 tỷ đồng và năm 2016 khoảng 44.323 tỷ đồng), chiếm tỷ trọng khoảng 1,36%-4,27% tổng thu NSNN hàng năm; trong đó, số thu thuế BVMT đối với nhóm xăng dầu, than đá chiếm chủ yếu (khoảng 99%) tổng số thu thuế BVMT qua các năm, góp phần chuyển dịch cơ cấu thu NSNN theo hướng bền vững, tăng tỷ trọng thu nội địa từ 59% (giai đoạn 2006-2010) lên 68% (giai đoạn 2011-2015), đến năm 2015 chiếm 74% tổng thu NSNN theo đúng định hướng Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2020 là tăng dần tỷ trọng nguồn thu trong nước.

Số thu thuế BVMT từ năm 2015 tăng lên đáng kể so với số thu năm 2014 (đưa tỷ lệ thu thuế BVMT/tổng thu nội địa chiếm 3,65%) là do từ tháng 5/2015 thực hiện điều chỉnh tăng mức thuế cụ thể đối với xăng, dầu theo Nghị quyết số 888a/2015/UBTVQH13.

Thu thuế BVMT từ nhóm xăng, dầu và than đá chiếm tỷ trọng cao nhất, cụ thể đối với nhóm xăng sản xuất trong nước năm 2012 là 5.899 tỷ đồng đến năm 2016 là 11.702 tỷ đồng tăng 5.803 tỷ đồng so với năm 2012. Trong khi đó, thu thuế BVMT từ nhóm hàng túi ni lông năm 2012 là 827 tỷ đồng đến năm 2016 là 56 tỷ đồng, giảm 771 tỷ đồng so với năm 2012.

Số thu thuế BVMT từ năm 2015 tăng lên đáng kể so với số thu năm 2014 (đưa tỷ lệ thu thuế BVMT/tổng thu nội địa chiếm 3,65%) là do từ tháng 5/2015 thực hiện điều chỉnh tăng mức thuế cụ thể đối với xăng, dầu theo Nghị quyết số 888a/2015/UBTVQH13.<sup>5</sup>

---

<sup>5</sup> Báo cáo Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế Bảo vệ môi trường của Chính phủ

### **2.3.1.2. Thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam với cộng đồng quốc tế**

- Việc đưa các sản phẩm xăng, dầu, mỡ nhờn, than, dung dịch HCFC vào đối tượng chịu thuế BVMT góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam trong thực hiện “*Cơ chế phát triển sạch*” (CDM) trong các lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, giao thông vận tải, quản lý chất thải... tại Nghị định thư Kyoto về kiểm soát khí thải nhà kính (có hiệu lực từ ngày 16/02/2005);

- Việc đưa dung dịch HCFC vào đối tượng chịu thuế BVMT góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam là hoàn thành loại bỏ HCFC vào năm 2030 tại Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô dôn.

- Việc đưa các sản phẩm xăng, dầu, mỡ nhờn, than, dung dịch HCFC vào đối tượng chịu thuế BVMT đã thể hiện nỗ lực của Việt Nam trong việc cam kết thực hiện cơ chế phát triển xanh CDM.

Ngoài ra, hiện nay Việt Nam đã tham gia tích cực vào các công ước và hiệp ước đa phương khác về BVMT như Công ước Ramsar về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (1989), Tuyên bố Rio về BVMT và phát triển; Chương trình Nghị sự toàn cầu 21; Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (1992); Công ước Vienna về bảo vệ tầng ô dôn; Công ước Liên hợp quốc về Luật biển; Công ước về Đa dạng sinh học (1994); Tuyên ngôn quốc tế về sản xuất sạch hơn (1999),... Việc ban hành thuế BVMT góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về môi trường, thúc đẩy tuân thủ và thực thi pháp luật về môi trường, thể hiện nỗ lực của Việt Nam trong việc thực thi đầy đủ các cam kết về môi trường với cộng đồng quốc tế.

### **2.3.1.3. Nâng cao ý thức BVMT của toàn xã hội, góp phần thay đổi nhận thức, hành vi của các tổ chức, cá nhân trong sản xuất, tiêu dùng sản phẩm gây ô nhiễm môi trường**

Luật thuế BVMT là một công cụ kinh tế hiệu quả trong quản lý và BVMT. Luật thuế BVMT được xây dựng trên nguyên tắc người gây ô nhiễm môi trường phải nộp thuế, góp phần định hướng tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường hơn.

### **2.3.2. Một số hạn chế và nguyên nhân**

#### **2.3.2.1. Một số hạn chế**

Thứ nhất, đối tượng chịu thuế còn hạn hẹp: Luật Thuế BVMT và Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 ngày 14/7/2011 nêu ra 8 nhóm đối tượng phải chịu thuế môi trường. Trên thực tế, có nhiều sản phẩm, hàng hóa mà việc sử dụng có khả năng gây ô nhiễm môi trường nhưng lại chưa đưa vào diện điều chỉnh của Luật Thuế BVMT, ví dụ như khí thải công nghiệp, thuốc lá, chất thải

phóng xạ, các loại hóa chất (gồm cả axit vô cơ, xút, hóa chất bảo vệ thực vật, dung môi hữu cơ, thủy ngân...); đồ điện tử (phát sinh chất thải điện tử); cao su (săm, lốp,...); polime,...

Thứ hai, về mức thu thuế BVMT: Mức thu cụ thể đối với một số mặt hàng chưa tương xứng với mức độ ô nhiễm gây ra (như túi nilon). Khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa áp dụng cho một loại hàng hóa là tương đối lớn, dẫn tới khả năng việc áp dụng sẽ không thống nhất đối với các doanh nghiệp cùng sản xuất một mặt hàng nhưng tại các địa phương khác nhau. Điều đó dẫn đến một số trường hợp đối tượng đáng lý phải chịu thuế lại không bị đánh thuế, trong khi thực chất đối tượng không chịu thuế lại bị đánh thuế khá nặng.

Thứ ba, về quản lý thu thuế BVMT: Yếu tố chuyên nghiệp trong việc xác định, phân loại đối tượng chịu thuế của người thu thuế còn hạn chế. Quy định pháp luật về việc thu thuế BVMT đối với túi nilong còn nhiều bất cập. Mức thuế BVMT đối với túi nylon hiện hành là 50.000 đồng/kg. Tuy nhiên, thực tế, 1kg túi nylon trên thị trường được bán với giá 40.000 đồng, thậm chí là rẻ hơn. Tại sao có nghịch lý này? Không phải nhà sản xuất chịu lỗ khi sản xuất túi nilong mà là họ đã lợi dụng những khe hở của pháp luật để trốn đóng thuế BVMT.

Thứ tư: về đánh thuế đối với các mặt hàng xuất, nhập khẩu. Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa chịu thuế BVMT vào khu phi thuế quan và có hồ sơ chứng minh được hàng hóa đó đã nộp thuế BVMT tại khâu sản xuất, xuất khẩu. Theo quy định của Luật thuế BVMT và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính thì thuế BVMT chỉ nộp một lần đối với hàng hóa sản xuất hoặc nhập khẩu. Vì vậy, cần có hướng dẫn cho trường hợp này, tránh đánh thuế 2 lần.

#### **2.3.2.2. Nguyên nhân**

- Quy định pháp luật về việc thu thuế BVMT đối với túi nilong còn nhiều lỗ hổng, bất cập.

- Yếu tố chuyên nghiệp trong việc xác định, phân loại đối tượng chịu thuế của người thu thuế còn hạn chế. Mức độ phân biệt giữa mức thuế thấp nhất và cao nhất là rất khó, vì vậy cần đặt ra vấn đề, đội ngũ giám định phải là những người có chuyên môn và thực hiện tốt việc phân định đối tượng chịu thuế nào có mức thu bao nhiêu.

- Người sản xuất các mặt hàng có đối tượng chịu thuế không chấp hành nghiêm chỉnh những quy định về chịu thuế, một số đối tượng lợi dụng quy định về hoàn thuế, đối tượng chịu thuế, biểu thuế để trốn thuế, giảm thuế chuộc lợi về mình.

- Pháp luật vẫn chưa đảm bảo cơ chế phù hợp để huy động sự tham gia, đóng góp của mọi tổ chức, cá nhân tham gia BVMT. Luật Thuế BVMT dường như vẫn còn chưa thu hút được sự quan tâm của người tiêu dùng. Nhà nước vẫn chưa có biện pháp xử lý thích hợp đối với người có hành vi vi phạm gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Các bộ ngành cũng chưa hỗ trợ trong nghiên cứu và triển khai các chính sách hạn chế ô nhiễm trong lĩnh vực chuyên ngành; nhiều quy định còn mang nặng tính hành chính trong khi các quy định mang tính kỹ thuật không nhiều và tiêu chuẩn của nước ta còn thấp hơn so với nhiều nước khác.

- Việc đánh thuế ô nhiễm tại nước ta vẫn chưa bao phủ được các đối tượng gây ô nhiễm, mức thuế áp đặt chưa được nghiên cứu theo hướng hiệu quả đề xuất trong khi vẫn còn tình trạng áp thuế theo áp lực ngân sách. Các văn bản về BVMT liên quan đến từng thành phần môi trường như đất, nước, khoáng sản, không khí, rừng,... hay điều chỉnh những hoạt động của con người lên môi trường được ban hành chưa đồng bộ, còn chậm cả về mặt thời gian lẫn nội dung của các quy định

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Quá trình thực thi Luật thuế BVMT đã góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành ở Trung ương và địa phương về vấn đề môi trường; tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc áp dụng khoản thu mới về môi trường. Từ đó, góp phần xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, có tính khả thi, công khai và minh bạch, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Bên cạnh những mặt đạt được vẫn còn nhiều hạn chế. Trước hết, đó là quy định về BVMT trong các văn bản quy phạm pháp luật còn khá chung chung, đặc biệt là trong các văn bản pháp luật chuyên ngành khác rất mờ nhạt, khó thực hiện. Bên cạnh đó, sự trùng lặp, chồng chéo và mâu thuẫn trong xây dựng pháp luật khiến cho quá trình áp dụng gặp nhiều khó khăn. Các văn bản về BVMT liên quan đến từng thành phần môi trường như đất, nước, khoáng sản, không khí, rừng, ... hay điều chỉnh những hoạt động của con người lên môi trường được ban hành chưa đồng bộ, còn chậm cả về mặt thời gian lẫn nội dung của các quy định.

## CHƯƠNG 3

# ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

### 3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật thuế BVMT

- Dựa trên kinh nghiệm xây dựng và áp dụng pháp luật trong thời gian qua, những nhìn nhận, đánh giá một cách khách quan thực trạng hệ thống pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng. Thông qua kết quả đánh giá để đưa ra các định hướng và giải pháp đúng đắn, thiết thực cho việc hoàn thiện chính sách thuế nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của nó trong vấn đề BVMT.

- Dựa trên việc tiếp thu, học hỏi những kinh nghiệm trong việc ban hành, áp dụng thuế môi trường của những quốc gia đã áp dụng trước đó để vận dụng thích hợp vào việc hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế.

- Kiên trì thực thi nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả”, là nguyên tắc xác định chủ thể cũng như phạm vi khoản thu người có nghĩa vụ phải "trả" cho nhà nước khi có hành vi gây ô nhiễm theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tính khả dụng của quy định pháp luật thuế BVMT.

### 3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật thuế BVMT

Một là, về tên gọi của luật thuế. Liên quan đến tên gọi, hiện nay có ý kiến cho rằng tên gọi của Luật thuế BVMT nhưng trong quá trình sử dụng lại chưa thể hiện rõ phân chi từ khoản thu thuế BVMT cho công tác BVMT, “có thực để BVMT”. Vì vậy, học viên cho rằng có thể sửa đổi tên luật thuế thành “Luật Thuế môi trường” để loại trừ những thắc mắc không cần thiết và cũng đảm bảo phù hợp Luật Ngân sách Nhà nước 2015.

Hai là, cần xem xét thêm với hướng sửa đổi, làm rõ một số thuật ngữ được sử dụng tại Luật Thuế BVMT hiện hành. Định nghĩa thuế BVMT tại khoản 1 Điều 2 Luật hiện hành quy định “*Thuế BVMT là loại thuế gián thu, thu vào sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi chung là hàng hóa) khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường*”. Chúng tôi đề nghị bỏ cụm từ “gián thu”, theo đó, “*Thuế BVMT là loại thuế thu vào sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi chung là hàng hóa) khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường*”. Cách định nghĩa theo luật hiện hành không tương thích với cách định nghĩa tại các Luật thuế khác cũng là thuế gián thu (như Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt) và nó mang tính lý thuyết (sử dụng trong nghiên cứu và giảng dạy). Việc bỏ từ “gián thu” sẽ giải quyết được những vấn đề nêu trên.

Ba là, về hàng hóa thuộc diện chịu thuế hiện hành. Về hàng hóa chịu thuế là sản phẩm nylon. Đề nghị đánh thuế đối với tất cả sản phẩm nylon được làm từ màng nhựa đơn polyetylen.

Bốn là, đề nghị mở rộng hàng hóa thuộc diện chịu thuế môi trường. Về hàng hóa chịu thuế là sản phẩm nylon. Đề nghị đánh thuế đối với tất cả sản phẩm nylon được làm từ màng nhựa đơn polyetylen, đảm bảo tính bình đẳng trong quá trình sử dụng hàng hóa gây tổn hại môi trường, không phân biệt chủ thể.

Năm là, về mức thuế áp dụng. Về khung thuế BVMT đối với mặt hàng xăng dầu, mỡ nhờn, gốc hóa thạch. Đối với mặt hàng xăng, hiện nay có ý kiến tăng khung từ 1000-4000đ lên 3000-8000đ. Với mức tăng đột phá như vậy, phải có giải thích căn cứ để tăng từ mức cũ lên mức mới có trần rất cao, thậm chí có thể điều chỉnh ở mức trần thấp hơn. Hiện nay chúng ta chưa sử dụng đến mức trần khung thuế đối với xăng nhưng đã dự tính tăng 2 lần mức trần, dễ gây ra sự không đồng thuận từ dân chúng. Chúng tôi hiểu rằng cần phải cân đối lại nguồn thu sau khi Việt Nam thực hiện đầy đủ trình cắt giảm hàng rào quan thuế, nhưng việc cân đối lại cần phải xem xét theo hướng mở rộng diện chịu thuế hơn là nâng cao mức thuế (cách làm này theo chúng tôi sẽ là công bằng hơn). Đối với mặt hàng dầu mỡ còn lại, cần cân nhắc theo hướng tăng hơn mức thuế so với đề xuất (có thể ở mức không kém hơn so với khung thuế áp dụng với xăng).

### **3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật thuế BVMT**

Một là, thực hiện tốt công tác tuyên truyền pháp luật thuế bảo vệ môi trường.

Hai là, kết hợp đồng bộ các công cụ hợp pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Luật thuế BVMT.

Ba là, cần xây dựng bộ máy hiệu quả nhằm quản lý việc áp dụng và tăng cường công tác thanh tra, giám sát thuế BVMT.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Để nâng cao hiệu quả Luật thuế BVMT đòi hỏi phải có sự phối hợp sử dụng đồng bộ các giải pháp, bên cạnh việc hoàn thiện các quy định của pháp luật thuế BVMT thì phải xây dựng bộ máy có hiệu quả nhằm quản lý và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giám sát thuế, nhanh chóng nghiên cứu các sản phẩm thân thiện môi trường đồng thời với việc nâng cao ý thức của người dân khi sử dụng sản phẩm gây tổn hại môi trường.

## KẾT LUẬN

Pháp luật thuế BVMT là một trong những công cụ hữu hiệu của Nhà nước để ngăn chặn các tác nhân gây ô nhiễm môi trường, điều hoà các quan hệ lợi ích giữa xã hội và doanh nghiệp, khuyến khích ý thức tiết kiệm, giảm bớt sự lãng phí trong quá trình khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và tăng cường các biện pháp BVMT. Tuy nhiên cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập gây khó khăn cho việc thực thi pháp luật của các chủ thể có nghĩa vụ nộp thuế cũng như các cơ quan quản lý thuế. Chính vì vậy, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật là cần thiết. Ngoài ra, pháp luật thuế BVMT thực thi có hiệu quả, đi vào cuộc sống, cần phải phổ biến, tuyên truyền, giải thích pháp luật đến mọi người dân, nâng cao năng lực BVMT của họ; phối hợp đồng bộ giữa thuế BVMT và các biện pháp khác như phí, lệ phí, biện pháp hành chính, giáo dục truyền thông... đồng thời cần có sự phối hợp trong quá trình đưa luật vào triển khai trong cuộc sống của các cơ quan chức năng; tăng cường hiệu quả quản lý, tránh việc trốn thuế, gian lận thuế.